TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 06- 2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hạnh

Ông Bùi Huy Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 388/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1984 *(vắng mặt- có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Lê Tấn V, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày*:

Qua quá trình tìm hiểu, bà và ông V tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyển số 01/05 ngày 03/3/2005). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng cuối năm 2019 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm

trọng.

Nguyên nhân là do trong quá chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã do bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng. Trong thời gian này bà và ông V đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả gì.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tấn V.

- Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung: Lê Thị Minh T1, sinh ngày 07/12/2004 và Lê Thị Minh T2, sinh ngày 12/12/2006. Bà làm nghề buôn bán, có thu nhập ổn định nên bà có thể chăm sóc cho các con tốt. Bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Thị Minh T2 cho đến khi con trưởng thành, còn cháu Lê Thị Minh T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Tấn V vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án đã triệu tập ông V để làm việc, hòa giải hôn nhân nhưng ông V không đến Tòa làm việc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông V ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị T. Về con chung: Cháu Lê Thị Minh T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Lê Thị Minh T2 thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Lê Thị Minh T2 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con nên ông V không phải cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; nơi cư trú hiện nay của ông Lê Tấn V là tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Tấn V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyển số 1/05 ngày 03/3/2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án đã triệu tập ông Lê Tấn V để làm việc nhưng ông V vẫn không đến Tòa làm việc, điều này chứng tỏ ông V không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị T và ông Lê Tấn V ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị T.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông V có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh T1, sinh ngày 07/12/2004 và Lê Thị Minh T2, sinh ngày 12/12/2006. Cháu T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T2: Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Bà T hiện nay có việc làm, thu nhập và có chỗ ở ổn định. Trong khi ông V không có ý kiến gì về việc nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Lê Thị Minh T2 cho bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi

con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Lê Tấn V về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Tấn V.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông V có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh T1, sinh ngày 07/12/2004 và Lê Thị Minh T2, sinh ngày 12/12/2006. Cháu T1 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Giao con chung là cháu Lê Thị Minh T2, sinh ngày 12/12/2006 cho bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lê Tấn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Lê Tấn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0008894 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, bà T đã nộp xong.

3. Trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. C
- TAND tỉnh BR-VT.
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- UBND thị trấn N, H C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hồng HẠNH